TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày: 22/3/2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Đặng Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2018/TLST-DS ngày 03/10/2018 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HPT ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường MV, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Tăng Diệp T, sinh năm 1972

Địa chỉ: đường BH, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2018, bản tự khai,trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Văn Q trình bày:

Năm 2016 ông Q có bán mặt hàng túi xốp cho bà Tăng Diệp T với tổng số tiền mua bán mà bà T còn nợ ông Q là 147.000.000đồng. Sau đó, bà T nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả tiền mua hàng cho ông Q.

Ông Q có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Trong buổi làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T thừa nhận còn nợ ông Q số tiền mua hàng là 147.000.000đồng, do việc kinh doanh gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả số tiền nợ này cho ông Q, bà T đồng ý trả số tiền hàng là 147.000.000đồng cho ông

Q theo phương án trả dần hàng tháng, cụ thể: trước ngày 25 Tây hàng tháng, bà T trả cho ông Q 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi hết số nợ 147.000.000đồng tiền nợ, bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2018, nếu trong thời gian đó mà bà T có khả năng sẽ trả nhiều hơn 5.000.000đồng để nhanh chóng thanh toán hết nợ. Sau khi thỏa thuận tại Phường, bà T không trả cho ông Q bất kỳ một khoản tiền nào.

Nay ông Q yêu cầu bà T trả cho ông một lần tổng số tiền là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Q không yêu cầu bà T trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Bà Tăng Diệp T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, nhưng bà T không đến Tòa làm việc, không cung cấp bất kỳ lời khai nào, tại phiên tòa bà T cũng vắng mặt, vì vậy không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Tăng Diệp T tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và được Công an Phường M, Quận A trả lời như sau: "đương sự Tăng Diệp T sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại đường BH Phường M Quận A. Hiện nay đương sự T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ". Tại đơn tường trình ngày 10/01/2019, ông Q trình bày: khi ông và bà T giao dịch, mua bán và trong buổi làm việc tại Ủy Ban nhân dân Phường M, Quận A, ông chỉ biết địa chỉ của bà T ở đường BH, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra không biết địa chỉ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **<u>Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:</u>**

Ông Phạm Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Tăng Diệp T (hiện đang cư trú tại Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ mà bà T đã thừa nhận trong buổi làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A.

Trong biên bản làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T vẫn xác nhận địa chỉ của bà ở tại 153/4/13 Bà Hom, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó, theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận A thì "đương sự Tăng Diệp T sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại đường BH Phường M Quận A. Hiện nay đương sự T đã bỏ địa phương đi đâu

không rõ". Như vậy, việc bà T bỏ đi khỏi địa phương không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn là ông Phạm Văn Q, cũng không thông báo nơi cư trú mới cho cơ quan quản lý cư trú tại địa phương biết, thể hiện bà T cố tình che dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ, vì vậy, căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn là bà Tăng Diệp T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của ông Phạm Văn Q thì từ năm 2016, ông Q có bán mặt hàng túi xốp cho bà Tăng Diệp T với tổng số tiền hàng mà bà T còn nợ là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), bà T chưa trả số tiền hàng này cho ông Q.

Trong buổi làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T thừa nhận còn nợ ông Q số tiền hàng là 147.000.000đồng, do việc kinh doanh gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả số tiền nợ này cho ông Q, bà T đồng ý trả số tiền hàng mua hàng là 147.000.000đồng cho ông Q theo phương án trả dần hàng tháng, cụ thể: trước ngày 25 Tây hàng tháng, bà T trả cho ông Q 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi hết số nợ 147.000.000đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2018. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà Tăng Diệp T còn nợ ông Phạm Văn Q số tiền là 147.000.000đồng, có hứa hàng tháng sẽ thanh toán cho ông Q, bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2018, nhưng thực tế là từ tháng 01/2018 cho đến nay, bà T không thực hiện đúng như cam kết. Vì vậy, nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán cho ông một lần toàn bộ số tiền 147.000.000đồng mà bà T còn nợ ông là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Ông Q không yêu cầu bà T phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Tăng Diệp T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 147.000.000đồng = 7.350.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Phạm Văn Q không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, 282, 357, 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Tăng Diệp T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Q số tiền hàng còn nợ là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) theo xác nhận nợ của bà

T trong buổi làm việc ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương thức thanh toán: thanh toán làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày ông Phạm Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tăng Diệp T không thi hành trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả cho ông Q khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tăng Diệp T phải nộp án phí là 7.350.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Phạm Văn Q không phải nộp án phí, trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.675.000đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010340 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký tên, đóng dấu)